

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH E**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60** /2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/12/2021.  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.

2. Ông Võ Minh Quang.

**- T1 ký phiên tòa:** Ông Võ Thành Trung – T1 ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:**

Bà Phạm Thị Cẩm Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST -HN ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn ThànhL1, sinh năm 1988. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 528 ấp T, xã C, huyện G, tỉnh E.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Huỳnh Duy T1, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện B, tỉnh E.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn ThànhL1 trình bày:*

Anh và chị T1 cưới nhau vào năm 2008 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh E. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 03/6/2012. Anh L1 yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do chị T1 không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hoà giải được.

\* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử và T1 ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn anh Nguyễn ThànhL1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Phạm Huỳnh Duy T1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên các vi phạm trên không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên đề nghị khắc phục.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn ThànhL1 và chị Phạm Huỳnh Duy T1.

Về con chung: anh Nguyễn ThànhL1 được tiếp tục nuôi con chung tên là Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 03/6/2012

Ghi nhận việc anh Nguyễn ThànhL1 tự không yêu cầu chị Phạm Huỳnh Duy T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anhL1 khai không có, chị T1 cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B. Anh Nguyễn Thành L1 có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Phạm Huỳnh Duy T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Hôn nhân: Anh Nguyễn Thành L1 và chị Phạm Huỳnh Duy T1 kết hôn vào năm 2008, được Ủy ban nhân dân xã Châu Hòa, huyện G, tỉnh E cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh L1 và chị T1 thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng T1 ờng hay cự cãi nhau, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2020 cho đến nay. Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhưng Chị T1 từ chối tham gia tố tụng, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến gì thể hiện quan điểm trong vụ án ly hôn giữa chị với anh L1, cho thấy chị T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh L1, quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh L1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của anh L1 là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 03/6/2012. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung đồng thời theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Hoàng A, cần giao con chung cho anh L1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận việc anh Nguyễn Thành L1 tự không yêu cầu chị Phạm Huỳnh Duy T1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh L1 khai không có nên không xét đến.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn anh L1 phải chịu án phí là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn ThànhL1 đối với chị Phạm Huỳnh Duy T1. Quan hệ hôn nhân của anhL1, chị T1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con là Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 03/6/2012 cho anh Phạm ThànhL1 tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc anhL1 không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Chị T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

AnhL1 trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: AnhL1 khai không có, nên không xét đến.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh NguyễnThànhL1 phải chịu 300.000 đồng. nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anhL1 đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006341 ngày 30/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy, anhL1 đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn ThànhL1, chị Phạm Huỳnh Duy T1 vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh E;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA huyện B;
- UBND xã C, huyện G, tỉnh E;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**Đã ký**

**Lê Thị Thu Hương**